

Số: 170 /QĐ-VP

Đồng Nai, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026

CHÁNH VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh (Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách được giao. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực XVII;
- Lưu: VT, KTNS, QTTV.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Đinh Thị Dạ Thảo



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-VP ngày 26/ 12/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

Đơn vị: **VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chương: **405**

Mã số ĐVQHNS: **1049129**

Đơn vị tính: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
	I/DỰ TOÁN THU NS:			
	II/ DỰ TOÁN CHI NS:	49.294	2.536	46.758
	Bao gồm:			
340/341	A. Chi Quản lý nhà nước:	49.294	2.536	46.758
	1. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	27.615	1.122	26.493
	- Chi con người	16.395	0	16.395
	- Chi hoạt động	11.220	1.122	10.098
	2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	21.679	1.414	20.265
	1. Chi hoạt động đặc thù của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.800	180	1.620
	1.1. Nhiên liệu	970	97	873
	1.2. Công tác phí	40	4	36
	1.3. Thuê phòng ngủ	50	5	45
	1.4. Vé máy bay, tàu xe (đi công tác trong nước)	660	66	594
	1.5. Vé máy bay, tàu xe, khoán tiền thuê phòng nghỉ, tiền tiêu vật, tiền thuê phương tiện từ sân bay khi nhập/xuất cảnh	80	8	72
	2. Chi hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh	17.503	996	16.507
	2.1. Bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống thang máy TSKNN; bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống điều hòa không khí trung tâm TSKNN; bảo trì, sửa chữa máy lạnh Trụ sở tiếp công dân, TTPVHCC tỉnh; bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống PCCC TSKNN; bảo trì, sửa chữa máy phát điện TSKNN tỉnh; Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ; Kiểm tra, bảo dưỡng, thay mới bình chữa cháy tại TSKNN, TTHCC, TSTCD tỉnh; Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mở rộng các rủi ro đặc biệt TSKNN, TTPCHCC; Trang bị máy bơm nước sinh hoạt TSKNN tỉnh	1.562	156	1.406

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.1.1. Bảo trì hệ thống thang máy TSKNN	245	24	221
	2.1.2. Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống thang máy TSKNN	36	4	32
	2.1.3. Bảo trì hệ thống điều hòa không khí trung tâm TSKNN	262	26	236
	2.1.4. Sửa chữa, mua thiết bị hệ thống điều hòa không khí trung tâm TSKNN	413	41	372
	2.1.5. Bảo trì, sửa chữa máy lạnh Trụ sở tiếp công dân, TTPVHCC tỉnh	70	8	62
	2.1.6. Bảo trì hệ thống PCCC TSKNN	131	13	118
	2.1.7. Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống PCCC TSKNN	48	5	43
	2.1.8. Bảo trì, sửa chữa máy phát điện TSKNN	44	4	40
	2.1.9. Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ	48	5	43
	2.1.10. Kiểm tra, bảo dưỡng, thay mới bình chữa cháy tại TSKNN, TTHCC, TSTCD tỉnh	151	15	136
	2.1.11. Trang bị máy bơm nước sinh hoạt TSKNN tỉnh	52	5	47
	2.1.12. Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mở rộng các rủi ro đặc biệt TSKNN, TTHCC	62	6	56
	2.2. Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy TSKNN, TTPVHCC, TSTCD, NCV tỉnh	301	30	271
	2.3. Thuê dịch vụ diệt trừ mối, diệt chuột, xịt muỗi TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	185	19	166
	2.3.1. Thuê dịch vụ diệt trừ mối, diệt chuột TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	167	17	150
	2.3.2. Thuê dịch vụ xịt thuốc muỗi TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	18	2	16
	2.4. Bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống camera TSKNN, TTPVHCC, TSTCD tỉnh	363	36	327
	2.4.1. Bảo trì hệ thống camera TSKNN, TTPVHCC, TSTCD tỉnh	288	29	259
	2.4.2. Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ camera TSKNN	75	7	68
	2.5. Bảo trì hệ thống chuyển mạch tự động ATS TSKNN tỉnh	137	14	123
	2.6. Thuê dịch vụ duy trì, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh, thăm cỏ tại TSKNN tỉnh, TSTCD tỉnh, NCV tỉnh; cắt tỉa cành nhánh, hạ thấp chiều cao cây xanh TSKNN, NCV tỉnh	1.309	0	1.309

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.6.1. Thuê dịch vụ duy trì, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh, thảm cỏ tại TSKNN tỉnh, TSTCD tỉnh, NCV tỉnh	1.227		1.227
	2.6.2. Thuê dịch vụ cắt tỉa cành nhánh, hạ thấp chiều cao cây xanh NCV tỉnh	28		28
	2.6.3. Thuê dịch vụ cắt tỉa cành nhánh, hạ thấp chiều cao cây xanh TSKNN tỉnh	54		54
	2.7. Thuê dịch vụ quét sân đường bộ nội bộ TSKNN tỉnh	104	10	94
	2.8. Thuê dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (theo khối lượng thực tế) TSKNN, TSTCD, NCV	470	47	423
	2.9. Thuê dịch vụ bảo vệ TTPVHCC, TSTCD, NCV; dịch vụ quét dọn, vệ sinh TSTCD, TSKNN, TTPVHCC	2.775	278	2.497
	2.9.1. Thuê dịch vụ bảo vệ TTPVHCC tỉnh	1.361	136	1.225
	2.9.2. Thuê dịch vụ bảo vệ TSTCD, NCV tỉnh	452	45	407
	2.9.3. Thuê dịch vụ quét dọn, vệ sinh TSTCD	138	14	124
	2.9.4. Thuê dịch vụ vệ sinh TSKNN tỉnh	547	55	492
	2.9.5. Thuê dịch vụ vệ sinh TTPVHCC tỉnh	277	28	249
	2.10. Thuê dịch vụ bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống Wifi Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh	257	26	231
	2.11. Thuê dịch vụ vận chuyển hồ sơ từ TTPVHCC đến các Sở, Ban, Ngành và ngược lại	178	18	160
	2.12. Bảo trì, sửa chữa và thay thế thiết bị hệ thống âm thanh phục vụ công tác UBND tỉnh;	49	5	44
	2.14. Sửa chữa, thay thế thiết bị hộp đèn bảng khẩu hiệu, hệ thống chiếu sáng công trước, công sau TSKNN	84	8	76
	2.15. Thuê dịch vụ giữ xe cho khách đến dự hội nghị, liên hệ công tác trong TSKNN (khối lượng theo thực tế)	60	0	60
	2.16. Đo điện trở hệ thống chống sét TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	8	0	8
	2.21. Thông tin tuyên truyền liên lạc phục vụ công tác UBND tỉnh, TTPVHCC, TSTCD (cước phí bưu chính, viễn thông, sách báo và thông tin tuyên truyền liên lạc khác)	1.260	126	1.134
	2.22. Chi thăm chúc Tết, hỗ trợ các đơn vị trong và ngoài tỉnh; in thiệp chúc Tết 4 bên; thiệp chúc Tết UBND tỉnh; in bao thư; túi giấy và chi phí khác	200	20	180

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.23. Hỗ trợ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo, tranh chấp đất đai; hỗ trợ cán bộ, công chức được mời, triệu tập; hỗ trợ cán bộ đầu mối, hỗ trợ khác	360		360
	2.24. Chi phí thuê mướn khác (thuê máy móc, thiết bị, xe đi công tác, thuê mướn khác theo thực tế)	100	10	90
	2.25. Phí, lệ phí phục vụ công tác UBND, TTPVHCC (cầu đường, vé gửi xe, rửa xe cơ quan, đăng kiểm, bảo hiểm xe, thẩm định giá, dịch vụ tư vấn mua sắm, sửa chữa tài sản, phí, lệ phí khác)	400	40	360
	2.26. Mua sắm, thay thế, sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ công tác UBND, TTPVHCC (bàn, ghế, máy móc, thiết bị, đường điện, cấp thoát nước, cơ sở hạ tầng và các tài sản, công cụ khác)	687	69	618
	2.27. Thanh toán điện, nước phục vụ công tác TSKNN, NCV, TSTCD	3.900	0	3.900
	2.28. Trục ngày, đêm PCCC, bảo vệ, trục camera giám sát TSKNN	200	0	200
	2.29. Chi tiếp khách trong và ngoài nước (thuê phòng nghỉ, tiền đặt cơm, trái cây, nước uống phục vụ các cuộc họp, hội nghị và các khoản khác)	500	50	450
	2.30. Chi phí hút hầm vệ sinh định kỳ TSKNN, TSTCD, NCV	100	10	90
	2.31. Thuê máy photo phục vụ công tác UBND tỉnh	250		250
	2.32. Chi khác (hoa, cây kiểng, trái cây, bánh, nước uống, bảng tên, maket, biển báo, vật dụng, vệ sinh thảm, drap trải giường, chi hỗ trợ lễ tân, chi đội cảnh sát mục tiêu và các khoản chi khác phục vụ họp, Hội nghị, chúc mừng, lễ, tết và các khoản chi khác) phục vụ công tác UBND tỉnh, TSKNN, TTPVHCC, TSTCD, NCV	1.074	17	1.057
	2.33. Chi phí viếng đám tang các đơn vị trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác UBND tỉnh	120	0	120
	2.34. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho các đơn vị trong TSKNN	20	2	18
	2.35. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	50	5	45

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.36. Hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng	120		120
	2.39. Văn phòng phẩm (giấy A4, giấy in nhiệt, mực in, photo, vật dụng, vật tư văn phòng khác) phục vụ công tác UBND, TTPVHCC	320		320
	3. Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	2.376	238	2.138
	3.2. Hỗ trợ CC, VC làm việc bộ phận 1 cửa	960	96	864
	3.3. Hỗ trợ tiền trang phục CCVC làm việc tại TTPVHCC	156	16	140
	3.4. Học tập kinh nghiệm và phục vụ công tác kiểm soát TTHC của TTPVHCC	100	10	90
	3.5. Sinh viên hình thức hỗ trợ tại TTPVHCC (50.000 đồng/buổi/người)	60	6	54
	3.6. Thuê cung cấp dịch vụ SMS Brandname trên mạng thông tin di động (theo khối lượng thực tế) TTPVHCC	1.100	110	990



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-VP ngày 26/ 12/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

Đơn vị: ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Chương: 405

Mã số ĐVQHNS: 1134342

Đơn vị tính: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
	I/DỰ TOÁN THU NS:			
	II/ DỰ TOÁN CHI NS:	12.012	593	11.419
	Bao gồm:			
340/341	A. Chi Quản lý nhà nước:	12.012	593	11.419
	1. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.822	275	8.547
	- Chi con người	6.072	0	6.072
	- Chi hoạt động	2.750	275	2.475
	2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	3.190	318	2.872
	Đảng ủy UBND tỉnh	3.190	318	2.872
	1. Khen thưởng TCCSĐ đạt HTXS NV năm: 20 tập thể x (2 x 2.340.000đ)	94	9	85
	2. Khen thưởng đảng viên đạt HTXS NV 5 năm liền (từ 2021-2025), BTV Đảng ủy UBND tỉnh tặng giấy khen (40 cá nhân x 2.340.000đ)	94	9	85
	3. Khen thưởng gương người tốt, việc tốt Kết luận số 01-CT/TW (132 tập thể, 132 cá nhân). Tập thể (0,6 x 2.340.000 đ); Cá nhân (0,3 x 2.340.000 đ)	278	28	250
	4. Khen thưởng đảng viên là người có đạo HTXS NV (0,3 x 2.340.000 đồng)	21	2	19
	5. Khen thưởng về công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc; Tập thể (12x 0,6 x 2.340.000 đ), Cá nhân (12x 0,3 x 2.340.000 đ)	26	3	23
	6. Khung khen, giấy khen	38	4	34
	7. Chi phụ cấp cho cộng tác viên dư luận xã hội (0,2 x 2.340.000 đ x 12 tháng)	113	11	102
	8. Phụ cấp báo cáo viên: (0,2 x 2.340.000 đ x 12 tháng)	29	3	26
	10. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 năm 2026	310	31	279

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	11. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (2 HN, 2 ngày/HN, 170 người/HN)	53	5	48
	12. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (200 người, 1/2 ngày)	6	1	5
	13. Hội nghị tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (250 người, 1 ngày)	13	1	12
	14. Hội nghị triển khai chuyên đề các quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức xây dựng Đảng: (02 hội nghị, 01 buổi/ hội nghị, 160 người/ hội nghị, 1 hội nghị 1/2 ngày)	22	2	20
	15. Hội nghị tập huấn cấp ủy viên cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030 về công tác tổ chức xây dựng đảng: (02 HN, 1/2 ngày/ 1 HN, 240 đại biểu)	32	3	29
	16. Hội nghị triển khai quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, chuyên đề năm 2026: (04 hội nghị, 01 ngày/ hội nghị, 300 đại biểu/ hội nghị)	73	7	66
	16. Hội nghị thông tin thời sự (4 hội nghị; 01 buổi; 200 đại biểu/HN)	35	4	31
	17. Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 01-KL, gắn với biểu dương gương tiêu biểu học tập và làm theo Bác (01 hội nghị, 01 buổi/ hội nghị, 300 đại biểu/hội nghị)	18	2	16
	18. Hội nghị giao ban dư luận xã hội (4HN, 120 đại biểu, 1 buổi)	10	1	9
	19. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 Đảng bộ UBND tỉnh (200 người, 1/2 ngày)	8	1	7
	20. Hội nghị Tổng kết năm 2026 Đảng bộ UBND tỉnh (200 người, 1 ngày)	12	1	11
	21. Hội thi Báo cáo viên cấp Đảng bộ UBND tỉnh (02 ngày, 300 đại biểu)	172	17	155
	22. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo 35 đảng ủy UBND tỉnh	249	25	224
	23. Kinh phí hoạt động của Ban Chấp hành, Ban thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh	798	79	719
	24. Kinh phí hoạt động Trang thông tin điện tử Đảng bộ UBND tỉnh	130	13	117
	25. Kinh phí hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	556	56	500

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-VP ngày 26/ 12/2025 của Văn phòng UBND tỉnh về việc giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025



Đơn vị: **TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG NAI**

Chương: **405**

Mã số ĐVQHNS: **1029246**

Đơn vị tính: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
	I/DỰ TOÁN THU NS:			
	II/ DỰ TOÁN CHI NS:	26.132	1.875	24.257
	Bao gồm:			
280/338	B. Chi sự nghiệp:	26.132	1.875	24.257
	I.Sự nghiệp kinh tế:	26.132	1.875	24.257
	1. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.452	0	7.452
	- Hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có)	7.452	0	7.452
	2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	18.680	1.875	16.805
	- Sửa chữa, bảo trì, thay mới một số thiết bị camera trung tâm.	75	7	68
	- Chăm sóc, bảo dưỡng, quét dọn, thu gom rác, cắt loại bỏ các cành cây cổ thụ định kỳ, vệ sinh công cộng... trên toàn bộ công viên; vệ sinh bãi rác, mái nhà, hồ nghệ thuật, khu vực trò chơi	2.445	245	2.200
	- Chi phí xử lý môi trường toàn bộ cơ sở vật chất, hội trường, nhà kho của trung tâm. Bảo trì, sửa chữa thiết bị, dụng cụ phòng, đuổi Dơi trên trần của hội trường	60	6	54
	- Chi phí xử lý, tiêu hủy rác công cộng trên công viên	350	35	315
	- Sửa chữa, thay thế hệ thống phòng cháy chữa cháy (gồm: Máy bơm, hồ chứa nước, phao bơm, dây, trụ cột nước, hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy, bảng chỉ dẫn...)	120	12	108

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, sự kiện tại các tỉnh, thành miền Trung.	560	56	504
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, sự kiện tại các tỉnh, thành miền Nam.	500	50	450
	- Xây dựng 03 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP	285	29	256
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại Hội chợ mua sắm cuối năm Đồng Nai	150	15	135
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Hà Nội.	350	35	315
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Đà Nẵng.	330	33	297
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Hồ Chí Minh	330	33	297
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, triển lãm Ngành nông nghiệp.	200	20	180
	- Tham gia, thực hiện tổ chức các Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư, thương mại, du lịch tại nước ngoài.	500	50	450
	- Tham gia, thực hiện hội chợ, sự kiện triển lãm của tỉnh tại nước ngoài	500	50	450
	- Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia hội chợ, sự kiện triển lãm trong và ngoài tỉnh trên môi trường mạng.	230	23	207

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Bắc	220	22	198
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Trung	205	21	184
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Nam	160	16	144
	- Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu tại thành phố Hà Nội.	220	22	198
	- Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu tại thành phố Hồ Chí Minh	180	18	162
	- Tổ chức hội nghị phổ biến qui chế xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại các Cụm Khu vực xã, phường trên địa bàn tỉnh	100	10	90
	- Duy trì, sửa chữa 03 điểm bán hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh.	35	4	31
	- Duy trì, sửa chữa 03 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.	120	12	108
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhà vườn, tiểu thương trên địa bàn tỉnh với chợ Dầu mỗi nông sản Dầu Giây (khoảng 4 đợt)	210	21	189
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp, nhà cung cấp từ các tỉnh, thành phố với hệ thống phân phối của tỉnh Đồng Nai (khoảng 2 đợt)	210	21	189
	- Xây dựng mới 05 điểm bán hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh.	200	20	180
	- Tổ chức 15 chuyến hàng Việt về các nhà máy và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	105	11	94
	- Tổ chức 02 Phiên chợ công nhân tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	385	39	346

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tổ chức Lễ tuần hàng Việt Nam	105	11	94
	- Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh.	115	12	103
	- Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trên địa bàn tỉnh.	135	14	121
	- Tuyên truyền các quy định về cơ chế, chính sách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trên hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và trên cơ quan báo, Đài truyền hình của tỉnh.	100	10	90
	- Tham gia, trực hiện tổ chức hội nghị xúc tiến mời gọi đầu tư tại tỉnh	390	39	351
	- Tổ chức hội nghị gặp mặt đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư	88	9	79
	- Xây dựng tập san, ấn phẩm, cẩm nang về xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (song ngữ: Việt - Anh; đơn ngữ: Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc). Phối hợp lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư.	400	40	360
	- Tổ chức đoàn doanh nghiệp trong nước, ngoài nước đến khảo sát môi trường đầu tư và làm việc với lãnh đạo tỉnh.	154	15	139
	- Tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài do Bộ Tài Chính và các Bộ, ngành tổ chức	330	33	297
	- Tổ chức hội nghị, hội thảo làm việc với các hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước về công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	165	17	148

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phát hành bản tin, phim, clip quảng bá, ấn phẩm về chủ trương, chính sách, danh sách các dự án xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm, hình ảnh về các hoạt động đầu tư, thương mại, du lịch quảng bá trên Báo, Đài PTTH Đồng Nai, Báo Đầu tư Online, Báo Công Thương, Tạp chí Business Forum, Tạp chí Hàng không, tạp chí du lịch, Đài truyền hình Việt Nam (VTV1, VTV4), VCCI...	985	99	886
	- Tổ chức khoảng 04 lớp tập huấn về nghiệp vụ du lịch, thương mại, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nâng cao nguồn nhân lực... cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh.	380	38	342
	- Duy trì trang thông tin điện tử; thanh toán nhuận bút viết bài cho đội ngũ cộng tác viên viết bài đưa tin quảng bá về các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trên website trung tâm	120	12	108
	- Giới thiệu, xúc tiến quảng bá du lịch Đồng Nai qua phương tiện đường sắt Việt Nam	300	30	270
	- Giới thiệu, xúc tiến quảng bá du lịch Đồng Nai trên hệ thống Cảng hàng không trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng Không Việt Nam	550	55	495
	- Giới thiệu du lịch Đồng Nai trên bảng thông tin trạm dừng xe buýt trên địa bàn tỉnh	200	20	180
	- Tham gia sự kiện Năm du lịch quốc gia 2026	200	20	180
	- Tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam (VITM)	350	35	315
	- Tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế Tp. Hồ Chí Minh ITE	300	30	270
	- Thực hiện ấn phẩm chuyên đề về: du lịch văn hóa - tâm linh, lịch sử - văn hóa, sinh thái...	280	28	252
	- Bản đồ du lịch, thông tin các tuyến điểm du lịch tại Đồng Nai	160	16	144

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Sở tay giới thiệu văn hóa, du lịch và ẩm thực tại Đồng Nai – Đến để cảm nhận	275	28	247
	- Thực hiện ấn phẩm giới thiệu tiềm năng du lịch Đồng Nai, giới thiệu các dự án về xúc tiến đầu, du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	210	21	189
	- Tổ chức cuộc thi thiết kế chọn biểu tượng logo và khẩu hiệu cho du lịch Đồng Nai	190	19	171
	- Xây dựng Bộ sản phẩm quà tặng du lịch tiêu biểu của Đồng Nai	210	21	189
	- Tổ chức cuộc thi ảnh đẹp Đồng Nai	198	20	178
	- Tổ chức cuộc thi sáng tạo videoclip – Ấn tượng vùng đất, con người Đồng Nai	275	28	247
	- Thực hiện sửa chữa, di dời, thay đổi nội dung các bảng hiệu, biển chỉ dẫn, pano truyền thông du lịch Đồng Nai	450	45	405
	- Tổ chức Phiên chợ livestream bán sản phẩm Ocop gắn với du lịch Đồng Nai: "Kết nối từ Du lịch - Tăng tốc cùng phát triển"	495	50	445
	- Xây dựng phần mềm ứng dụng du lịch thông minh giới thiệu điểm đến tại Đồng Nai (giai đoạn 1)	640	64	576
	- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Du lịch Việt Nam	185	19	166
	- Tổ chức tour khảo sát kết hợp tọa đàm phát triển du lịch Đồng Nai	160	16	144
	- Tổ chức đoàn famtrip khảo sát, trao đổi kinh nghiệm về phát triển du lịch ở các tỉnh thành bạn.	250	25	225

Số:392/QĐ-STC.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước -
chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026**

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách tỉnh và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Ngân sách nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh Ủy dự toán chi ngân sách năm 2026 (theo Phụ lục đính kèm).

Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm triển khai giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2025. Thực hiện công khai và báo cáo kết quả phân bổ, giao dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, cho Ủy ban nhân dân các xã, phường năm 2026 (theo phụ lục đính kèm).

Căn cứ dự toán ngân sách năm 2026 được giao, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đảm bảo:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2026 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con

người theo chế độ);. Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2026.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã.

Chủ động bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và Tỉnh ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương theo chế độ quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán của ngân sách địa phương và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước. Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Sở Tài chính về dự toán ngân sách, thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước khu vực XVII;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Thuế tỉnh.
- Chi cục Hải quan khu vực XVIII;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu VT, HCSN, ĐT, NSNN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
Trần Anh Tú
Trần Anh Tú

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2026).

Của đơn vị: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Mã ĐVQHNS: 1049129

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Chương: 405

Đơn vị: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
		(1)=(2)+(3)	(2)	(3)
	I/ DỰ TOÁN THU NS:			
	1/ Tổng dự toán thu			
	2/ Tổng số chi phí (các khoản nộp ngân sách, chi phí trực tiếp)			
	3/ Tổng số được để lại sử dụng			
	II/ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:	87.438	5.004	82.434
	Bao gồm:			
340	A. Chi Quản lý nhà nước:	61.306	3.129	58.177
	1. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	36.437	1.397	35.040
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	27.615	1.122	26.493
	- Chi con người	16.395		16.395
	- Chi hoạt động	11.220	1.122	10.098
	Văn phòng Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	8.822	275	8.547
	- Chi con người	6.072		6.072
	- Chi hoạt động	2.750	275	2.475
	2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	24.869	1.732	23.137
1	1. Chi hoạt động đặc thù của Ủy ban nhân dân tỉnh	1.800	180	1.620
	1.1. Nhiên liệu	970	97	873
	1.2. Công tác phí	40	4	36
	1.3. Thuê phòng ngủ	50	5	45
	1.4. Vé máy bay, tàu xe (đi công tác trong nước)	660	66	594
	1.5. Vé máy bay, tàu xe, khoản tiền thuê phòng nghỉ, tiền tiêu vật, tiền thuê phương tiện từ sân bay khi nhập/xuất cảnh	80	8	72
2	2. Chi hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh	17.503	996	16.507



LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.1. Bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống thang máy TSKNN; bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống điều hòa không khí trung tâm TSKNN; bảo trì, sửa chữa máy lạnh Trụ sở tiếp công dân, TTPVHCC tỉnh; bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống PCCC TSKNN; bảo trì, sửa chữa máy phát điện TSKNN tỉnh; Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cứu nạn cứu hộ; Kiểm tra, bảo dưỡng, thay mới bình chữa cháy tại TSKNN, TTHCC, TSTCD tỉnh; Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, mở rộng các rủi ro đặc biệt TSKNN, TTPCHCC; Trang bị máy bơm nước sinh hoạt TSKNN tỉnh	1.562	156	1.406
	2.2. Sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy TSKNN, TTPVHCC, TSTCD, NCV tỉnh	301	30	271
	2.3. Thuê dịch vụ diệt trừ mối, diệt chuột, xịt muỗi TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	185	19	166
	2.4. Bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống camera TSKNN, TTPVHCC, TSTCD tỉnh	363	36	327
	2.5. Bảo trì hệ thống chuyển mạch tự động ATS TSKNN tỉnh	137	14	123
	2.6. Thuê dịch vụ duy trì, chăm sóc, bảo dưỡng cây xanh, thâm cò tại TSKNN tỉnh, TSTCD tỉnh, NCV tỉnh; cắt tỉa cành nhánh, hạ thấp chiều cao cây xanh TSKNN, NCV tỉnh	1.309	0	1.309
	2.7. Thuê dịch vụ quét sân đường bộ nội bộ TSKNN tỉnh	104	10	94
	2.8. Thuê dịch vụ vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (theo khối lượng thực tế) TSKNN, TSTCD, NCV	470	47	423
	2.9. Thuê dịch vụ bảo vệ TTPVHCC, TSTCD, NCV; dịch vụ quét dọn, vệ sinh TSTCD, TSKNN, TTPVHCC	2.775	278	2.497
	2.10. Thuê dịch vụ bảo trì, sửa chữa, thay thế thiết bị hệ thống Wifi Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh	257	26	231
	2.11. Thuê dịch vụ vận chuyển hồ sơ từ TTPVHCC đến các Sở, Ban, Ngành và ngược lại	178	18	160
	2.12. Bảo trì, sửa chữa và thay thế thiết bị hệ thống âm thanh phục vụ công tác UBND tỉnh;	49	5	44

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.14. Sửa chữa, thay thế thiết bị hộp đèn bảng khẩu hiệu, hệ thống chiếu sáng công trước, công sau TSKNN	84	8	76
	2.15. Thuê dịch vụ giữ xe cho khách đến dự hội nghị, liên hệ công tác trong TSKNN (khối lượng theo thực tế)	60	0	60
	2.16. Đo điện trở hệ thống chống sét TSKNN, TSTCD, NCV tỉnh	8	0	8
	2.21. Thông tin tuyên truyền liên lạc phục vụ công tác UBND tỉnh, TTPVHCC, TSTCD (cước phí bưu chính, viễn thông, sách báo và thông tin tuyên truyền liên lạc khác)	1.260	126	1.134
	2.22. Chi thăm chúc Tết, hỗ trợ các đơn vị trong và ngoài tỉnh; in thiệp chúc Tết 4 bên; thiệp chúc Tết UBND tỉnh; in bao thư; túi giấy và chi phí khác	200	20	180
	2.23. Hỗ trợ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo, tranh chấp đất đai; hỗ trợ cán bộ, công chức được mời, triệu tập; hỗ trợ cán bộ đầu mối, hỗ trợ khác	360		360
	2.24. Chi phí thuê mướn khác (thuê máy móc, thiết bị, xe đi công tác, thuê mướn khác theo thực tế)	100	10	90
	2.25. Phí, lệ phí phục vụ công tác UBND, TTPVHCC (cầu đường, vé gửi xe, rửa xe cơ quan, đăng kiểm, bảo hiểm xe, thẩm định giá, dịch vụ tư vấn mua sắm, sửa chữa tài sản, phí, lệ phí khác)	400	40	360
	2.26. Mua sắm, thay thế, sửa chữa tài sản, công cụ dụng cụ phục vụ công tác UBND, TTPVHCC (bàn, ghế, máy móc, thiết bị, đường điện, cấp thoát nước, cơ sở hạ tầng và các tài sản, công cụ khác)	687	69	618
	2.27. Thanh toán điện, nước phục vụ công tác TSKNN, NCV, TSTCD	3.900	0	3.900
	2.28. Trục ngày, đêm PCCC, bảo vệ, trục camera giám sát TSKNN	200	0	200
	2.29. Chi tiếp khách trong và ngoài nước (thuê phòng nghỉ, tiền đặt com, trái cây, nước uống phục vụ các cuộc họp, hội nghị và các khoản khác)	500	50	450
	2.30. Chi phí hút hầm vệ sinh định kỳ TSKNN, TSTCD, NCV	100	10	90
	2.31. Thuê máy photo phục vụ công tác UBND tỉnh	250		250

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	2.32. Chi khác (hoa, cây kiểng, trái cây, bánh, nước uống, băng tên, maket, biển báo, vật dụng, vệ sinh thảm, drap trải giường, chi hỗ trợ lễ tân, chi đội cảnh sát mục tiêu và các khoản chi khác phục vụ họp, Hội nghị, chúc mừng, lễ, tết và các khoản chi khác) phục vụ công tác UBND tỉnh, TSKNN, TTPVHCC, TSTCD, NCV	1.074	17	1.057
	2.33. Chi phí viếng đám tang các đơn vị trong và ngoài tỉnh phục vụ công tác UBND tỉnh	120	0	120
	2.34. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho các đơn vị trong TSKNN	20	2	18
	2.35. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	50	5	45
	2.36. Hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng	120		120
	2.39. Văn phòng phẩm (giấy A4, giấy in nhiệt, mực in, photo, vật dụng, vật tư văn phòng khác) phục vụ công tác UBND, TTPVHCC	320		320
	3. Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	2.376	238	2.138
	3.2. Hỗ trợ CC, VC làm việc bộ phận 1 cửa	960	96	864
	3.3. Hỗ trợ tiền trang phục CCVC làm việc tại TTPVHCC	156	16	140
	3.4. Học tập kinh nghiệm và phục vụ công tác kiểm soát TTHC của TTPVHCC	100	10	90
	3.5. Sinh viên hình thức hỗ trợ tại TTPVHCC (50.000 đồng/buổi/người)	60	6	54
	3.6. Thuê cung cấp dịch vụ SMS Brandname trên mạng thông tin di động (theo khối lượng thực tế) TTPVHCC	1.100	110	990
3	Đảng ủy UBND tỉnh	3.190	318	2.872
	1. Khen thưởng TCCSD đạt HTXSNV năm: 20 tập thể x (2 x 2.340.000đ)	94	9	85
	2. Khen thưởng đảng viên đạt HTXSNV 5 năm liền (từ 2021-2025), BTV Đảng ủy UBND tỉnh tặng giấy khen (40 cá nhân x 2.340.000đ)	94	9	85
	3. Khen thưởng gương người tốt, việc tốt Kết luận số 01-CT/TW (132 tập thể, 132 cá nhân). Tập thể (0,6 x 2.340.000 đ); Cá nhân (0,3 x 2.340.000 đ)	278	28	250
	4. Khen thưởng đảng viên là người có đạo HTXSNV (0,3 x 2.340.000 đồng)	21	2	19

LOẠI/KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	5. Khen thưởng về công tác kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc; Tập thể (12x 0,6 x 2.340.000 đ), Cá nhân (12x 0,3 x 2.340.000 đ)	26	3	23
	6. Khung khen, giấy khen	38	4	34
	7. Chi phụ cấp cho công tác viên dư luận xã hội (0,2 x 2.340.000 đ x 12 tháng)	113	11	102
	8. Phụ cấp báo cáo viên: (0,2 x 2.340.000 đ x 12 tháng)	29	3	26
	10. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 năm 2026	310	31	279
	11. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (2 HN, 2 ngày/HN, 170 người/HN)	53	5	48
	12. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (200 người, 1/2 ngày)	6	1	5
	13. Hội nghị tổng kết công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng (250 người, 1 ngày)	13	1	12
	14. Hội nghị triển khai chuyên đề các quy định, hướng dẫn về công tác tổ chức xây dựng Đảng: (02 hội nghị, 01 buổi/ hội nghị, 160 người/ hội nghị, 1 hội nghị 1/2 ngày)	22	2	20
	15. Hội nghị tập huấn cấp ủy viên cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030 về công tác tổ chức xây dựng đảng: (02 HN, 1/2 ngày/ 1 HN, 240 đại biểu)	32	3	29
	16. Hội nghị triển khai quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, chuyên đề năm 2026: (04 hội nghị, 01 ngày/ hội nghị, 300 đại biểu/ hội nghị)	73	7	66
	16. Hội nghị thông tin thời sự (4 hội nghị; 01 buổi; 200 đại biểu/HN)	35	4	31
	17. Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện Kết luận số 01-KL, gắn với biểu dương gương tiêu biểu học tập và làm theo Bác (01 hội nghị, 01 buổi/ hội nghị, 300 đại biểu/hội nghị)	18	2	16
	18. Hội nghị giao ban dư luận xã hội (4HN, 120 đại biểu, 1 buổi)	10	1	9
	19. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm 2026 Đảng bộ UBND tỉnh (200 người, 1/2 ngày)	8	1	7

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	20. Hội nghị Tổng kết năm 2026 Đảng bộ UBND tỉnh (200 người, 1 ngày)	12	1	11
	21. Hội thi Báo cáo viên cấp Đảng bộ UBND tỉnh (02 ngày, 300 đại biểu)	172	17	155
	22. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo 35 đảng ủy UBND tỉnh	249	25	224
	23. Kinh phí hoạt động của Ban Chấp hành, Ban thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh	798	79	719
	24. Kinh phí hoạt động Trang thông tin điện tử Đảng bộ UBND tỉnh	130	13	117
	25. Kinh phí hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	556	56	500
	B. Chi sự nghiệp	26.132	1.875	24.257
	I. Sự nghiệp kinh tế:	26.132	1.875	24.257
	1. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.452	0	7.452
	- Hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có)	7.452		7.452
	2. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	18.680	1.875	16.805
	- Sửa chữa, bảo trì, thay mới một số thiết bị camera trung tâm.	75	7	68
	- Chăm sóc, bảo dưỡng, quét dọn, thu gom rác, cắt loại bỏ các cành cây cổ thụ định kỳ, vệ sinh công cộng... trên toàn bộ công viên; vệ sinh bãi rác, mái nhà, hồ nghệ thuật, khu vực trò chơi	2.445	245	2.200
	- Chi phí xử lý môi trường một toàn bộ cơ sở vật chất, hội trường, nhà kho của trung tâm. Bảo trì, sửa chữa thiết bị, dụng cụ phòng, đuổi Dơi trên trần của hội trường	60	6	54
	- Chi phí xử lý, tiêu hủy rác công cộng trên công viên	350	35	315
	- Sửa chữa, thay thế hệ thống phòng cháy chữa cháy (gồm: Máy bơm, hồ chứa nước, phao bơm, dây, trụ cột nước, hệ thống báo cháy tự động, bình chữa cháy, bảng chỉ dẫn...)	120	12	108
	- Tổ chức gian hàng chung trung bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, sự kiện tại các tỉnh, thành miền Trung.	560	56	504
	- Tổ chức gian hàng chung trung bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, sự kiện tại các tỉnh, thành miền Nam.	500	50	450

LOẠI/ KHOẢ N	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Xây dựng 03 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP	285	29	256
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại Hội chợ mua sắm cuối năm Đồng Nai	150	15	135
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Hà Nội.	350	35	315
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Đà Nẵng.	330	33	297
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại thành phố Hồ Chí Minh	330	33	297
	- Tổ chức gian hàng chung trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu của tỉnh tại các hội chợ, triển lãm Ngành nông nghiệp.	200	20	180
	- Tham gia, thực hiện tổ chức các Đoàn công tác của tỉnh xúc tiến, kêu gọi đầu tư, thương mại, du lịch tại nước ngoài.	500	50	450
	- Tham gia, thực hiện hội chợ, sự kiện triển lãm của tỉnh tại nước ngoài	500	50	450
	- Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh tham gia hội chợ, sự kiện triển lãm trong và ngoài tỉnh trên môi trường mạng.	230	23	207
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Bắc	220	22	198
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Trung	205	21	184
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Đồng Nai với các nhà cung cấp của tỉnh, thành miền Nam	160	16	144
	- Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu tại thành phố Hà Nội.	220	22	198
	- Tổ chức hội nghị kết nối cung - cầu tại thành phố Hồ Chí Minh	180	18	162



 N VI

 HINH

 NG NAI

LOẠI/ KHOẢ N	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tổ chức hội nghị phổ biến qui chế xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại các Cụm Khu vực xã, phường trên địa bàn tỉnh	100	10	90
	- Duy trì, sửa chữa 03 điểm bán hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh.	35	4	31
	- Duy trì, sửa chữa 03 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.	120	12	108
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa các hợp tác xã, tổ hợp tác, nhà vườn, tiểu thương trên địa bàn tỉnh với chợ Đầu mối nông sản Dầu Giây (khoảng 4 đợt)	210	21	189
	- Tổ chức hội nghị kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp, nhà cung cấp từ các tỉnh, thành phố với hệ thống phân phối của tỉnh Đồng Nai (khoảng 2 đợt)	210	21	189
	- Xây dựng mới 05 điểm bán hàng Việt Nam trên địa bàn tỉnh.	200	20	180
	- Tổ chức 15 chuyến hàng Việt về các nhà máy và Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	105	11	94
	- Tổ chức 02 Phiên chợ công nhân tại các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	385	39	346
	- Tổ chức Lễ tuần hàng Việt Nam	105	11	94
	- Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh.	115	12	103
	- Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trên địa bàn tỉnh.	135	14	121
	- Tuyên truyền các quy định về cơ chế, chính sách ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trên hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và trên cơ quan báo, Đài truyền hình của tỉnh.	100	10	90
	- Tham gia, thực hiện tổ chức hội nghị xúc tiến mời gọi đầu tư tại tỉnh	390	39	351
	- Tổ chức hội nghị gặp mặt đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư	88	9	79

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Xây dựng tập san, ấn phẩm, cẩm nang về xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch (song ngữ: Việt - Anh; đơn ngữ: Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc). Phối hợp lập danh mục dự án kêu gọi đầu tư phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư.	400	40	360
	- Tổ chức đoàn doanh nghiệp trong nước, ngoài nước đến khảo sát môi trường đầu tư và làm việc với lãnh đạo tỉnh.	154	15	139
	- Tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư nước ngoài do Bộ Tài Chính và các Bộ, ngành tổ chức	330	33	297
	- Tổ chức hội nghị, hội thảo làm việc với các hiệp hội, hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước về công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	165	17	148
	- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phát hành bản tin, phim, clip quảng bá, ấn phẩm về chủ trương, chính sách, danh sách các dự án xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; tuyên truyền, quảng cáo sản phẩm, hình ảnh về các hoạt động đầu tư, thương mại, du lịch quảng bá trên Báo, Đài PTTH Đồng Nai, Báo Đầu tư Online, Báo Công Thương, Tạp chí Business Forum, Tạp chí Hàng không, tạp chí du lịch, Đài truyền hình Việt Nam (VTV1, VTV4), VCCI...	985	99	886
	- Tổ chức khoảng 04 lớp tập huấn về nghiệp vụ du lịch, thương mại, công nghệ thông tin, chuyên đổi số, nâng cao nguồn nhân lực... cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tỉnh.	380	38	342
	- Duy trì trang thông tin điện tử; thanh toán nhuận bút viết bài cho đội ngũ cộng tác viên viết bài đưa tin quảng bá về các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trên website trung tâm	120	12	108
	- Giới thiệu, xúc tiến quảng bá du lịch Đồng Nai qua phương tiện đường sắt Việt Nam	300	30	270
	- Giới thiệu, xúc tiến quảng bá du lịch Đồng Nai trên hệ thống Cảng hàng không trực thuộc Tổng công ty Cảng hàng Không Việt Nam	550	55	495
	- Giới thiệu du lịch Đồng Nai trên bảng thông tin trạm dừng xe buýt trên địa bàn tỉnh	200	20	180
	- Tham gia sự kiện Năm du lịch quốc gia 2026	200	20	180
	- Tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam (VITM)	350	35	315

* NAM *

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	SỐ TIẾT KIỂM 10% THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ TOÁN ĐƠN VỊ ĐƯỢC SỬ DỤNG
	- Tham gia Hội chợ Du lịch quốc tế Tp. Hồ Chí Minh ITE	300	30	270
	- Thực hiện ấn phẩm chuyên đề về: du lịch văn hóa - tâm linh, lịch sử - văn hóa, sinh thái...	280	28	252
	- Bản đồ du lịch, thông tin các tuyến điểm du lịch tại Đồng Nai	160	16	144
	- Sổ tay giới thiệu văn hóa, du lịch và ẩm thực tại Đồng Nai – Đến để cảm nhận	275	28	247
	- Thực hiện ấn phẩm giới thiệu tiềm năng du lịch Đồng Nai, giới thiệu các dự án về xúc tiến đầu, du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	210	21	189
	- Tổ chức cuộc thi thiết kế chọn biểu tượng logo và khẩu hiệu cho du lịch Đồng Nai	190	19	171
	- Xây dựng Bộ sản phẩm quà tặng du lịch tiêu biểu của Đồng Nai	210	21	189
	- Tổ chức cuộc thi ảnh đẹp Đồng Nai	198	20	178
	- Tổ chức cuộc thi sáng tạo videoclip – Ấn tượng vùng đất, con người Đồng Nai	275	28	247
	- Thực hiện sửa chữa, di dời, thay đổi nội dung các bảng hiệu, biển chỉ dẫn, pano truyền thông du lịch Đồng Nai	450	45	405
	- Tổ chức Phiên chợ livestream bán sản phẩm Ocop gắn với du lịch Đồng Nai: "Kết nối từ Du lịch - Tăng tốc cùng phát triển"	495	50	445
	- Xây dựng phần mềm ứng dụng du lịch thông minh giới thiệu điểm đến tại Đồng Nai (giai đoạn 1)	640	64	576
	- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Du lịch Việt Nam	185	19	166
	- Tổ chức tour khảo sát kết hợp tọa đàm phát triển du lịch Đồng Nai	160	16	144
	- Tổ chức đoàn famtrip khảo sát, trao đổi kinh nghiệm về phát triển du lịch ở các tỉnh thành bạn.	250	25	225

*** Ghi chú:**

Về việc thực hiện và chấp hành dự toán năm 2026, đề nghị đơn vị thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/06/2025.